**Mẫu số: 01a/TB-TSDĐ**

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN **TÊN CƠ QUAN THUẾ BAN HÀNH THÔNG BÁO -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số: …../TB-….. | *….., ngày …. tháng … năm …….* |

**THÔNG BÁO NỘP TIỀN**

**Về tiền sử dụng đất**

□ Thông báo lần đầu                                       □ Thông báo điều chỉnh , bổ sung

Căn cứ Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành:

Căn cứ pháp luật về tiền sử dụng đất và các văn bản hướng dẫn thi hành;

*<Trường hợp ban hành Thông báo lần đầu:* Căn cứ hồ sơ và phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính số……ngày.... tháng……năm.... của ...<Tên cơ *quan tiếp nhận hồ sơ về giải quyết thủ tục đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất>...;* số liệu xác định của Ủy ban nhân dân cấp huyện về tiền bồi thường, hỗ trợ tái định cư hoặc số tiền thuê đất, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã được trừ vào tiền sử dụng đất phải nộp (nếu có)>.

*<Trường hợp ban hành thông báo điều chỉnh, bổ sung:* Căn cứ hồ sơ và văn bản điều chỉnh số...... ngày…. tháng….năm .... của *...(Tên cơ quan tiếp nhận* *hồ sơ về giải quyết thủ tục đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất)...>.*

*... <Tên cơ quan thuế>...* xác định và thông báo tiền sử dụng đất phải nộp như sau:

**I. THÔNG TIN NGƯỜI NỘP THUẾ**

1. Tên người sử dụng đất: …………………………………………………..

2. Mã số thuế:……………………………………………………………………

3. Địa chỉ:………………………………………………………………………

4. Số điện thoại: ……………………………Email:  ……………………………

5. Tên đại lý thuế hoặc người được ủy quyền (nếu có): …………………..

6. Mã số thuế: …………………………………………………………………

7. Địa chỉ: ……………………………………………………………………….

**II. THÔNG TIN VỀ ĐẤT**

1. Thửa đất số: …………………..                      Tờ bản đồ số: ……………………

2. Địa chỉ:

2.1. Số nhà: …………………………. Toà nhà:…………………………………..

Ngõ/hẻm:......................................................................... Đường/Phố:............... .

Thôn/Xóm/Ấp: ………………………………………………………………………

2.2. Phường/Xã: ……………………………………………………………………..

2.3. Quận/huyện: ………………………………………………………………………..

2.4. Tỉnh/Thành phố:………………………………………………………………….

3. Vị trí theo Bảng giá đất:

3.1. Đường/Đoạn đường/Khu vực:

3.2. Vị trí thửa đất (1, 2, 3, 4...): …………………………………………………….

4. Mục đích sử dụng đất: ……………………………………………………………..

5. Mục đích sử dụng đất trước khi chuyển mục đích: ………………………………

6. Nguồn gốc đất *(Nhà nước giao/chuyển từ thuê sang giao…):*

7. Thời hạn sử dụng đất:

7.1. Ổn định lâu dài □

7.2. Có thời hạn: …năm. Từ ngày ……/…../….. đến ngày: …../…./…..

7.3. Gia hạn …….năm. Từ ngày ……/…../…. đến ngày: …../…../…..

8. Thời điểm bắt đầu sử dụng đất từ ngày: …../…./…..

9. Diện tích thửa đất (m2): ……………………………………….

10. Diện tích phải nộp tiền sử dụng đất:

10.1. Đất ở:

10.1.1. Trong hạn mức giao đất ở: …………………………………………………..

10.1.2. Ngoài hạn mức giao đất ở: ………………………………………………….

10.2. Đất nghĩa trang, nghĩa địa: ……………………………………………………….

10.3. Trường hợp khác……………………………………………………………..

11. Diện tích không phải nộp tiền sử dụng đất: ………………………………………..

12. Hình thức sử dụng đất: ………………………………………………………..

13. Giá đất tính tiền sử dụng đất (đồng/m2): …………………………………….

**III. TÍNH THUẾ CỦA CƠ QUAN THUẾ**

1. Giá của loại đất trước khi chuyển mục đích sử dụng: …………………………..

2. Giá của loại đất sau khi chuyển mục đích sử dụng: ………………………………..

3. Người sử dụng đất nộp tiền sử dụng đất theo mức:

3.1. Chênh lệch giữa tiền sử dụng đất của 2 loại đất khi chuyển mục đích:

3.2. Bằng 50% chênh lệch giữa tiền sử dụng đất của 2 loại đất:.....................................

3.3. Bằng 20% giá đất quy định tính thu tiền sử dụng đất: …………………………………

3.4. Bằng 30% giá đất quy định tính thu tiền sử dụng đất: ……………………………

3.5. Bằng 40% giá đất quy định tính thu tiền sử dụng đất:..............................................

3.6. Bằng 50% giá đất quy định tính thu tiền sử dụng đất: ……………………………..

3.7. Bằng 60% giá đất quy định tính thu tiền sử dụng đất:..............................................

3.8. Bằng 70% giá đất quy định tính thu tiền sử dụng đất: …………………………….

3.9. Bằng 100% tiền sử dụng đất: …………………………………………………………

3.10 Trường hợp khác:

4. Tổng số tiền sử dụng đất phải nộp:…………………..đồng

5. Kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và các khoản giảm trừ khác (nếu có): …….đồng

5.1. Kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hoàn trả cho ngân sách nhà nước được trừ vào tiền sử dụng đất:…………………đồng

5.2. Kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tự nguyện ứng trước được trừ vào tiền sử dụng đất:…………………………..đồng

5.2.1 Phân bổ được trừ……………………………..đồng

5.2.2 Không được trừ tính vào chi phí đầu tư của dự án………………………đồng

5.3. Các khoản giảm trừ khác:…………………đồng

6. Giảm tiền sử dụng đất (nếu có):

6.1. Lý do giảm:……………………………………………………………………

6.2. Thời gian giảm: ……………………………………………………………..

6.3. Số tiền giảm:……………………………………….đồng

7. Số tiền còn phải nộp ngân sách nhà nước [(6) = (3) - (4) - (5.3)]:………………..đồng

*(Viết bằng chữ:………………………………………………………………)*

8. Thời hạn nộp tiền:

*<Thông báo lần đầu hoặc thông báo điều chỉnh, bổ sung:*

- Chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày ban hành Thông báo, người sử dụng đất phải nộp 50% tiền sử dụng đất.

- Chậm nhất là 90 ngày kể từ ngày ban hành Thông báo, người sử dụng đất phải nộp 50% tiền sử dụng đất còn lại theo Thông báo này>.

**IV. THÔNG TIN NỘP NGÂN SÁCH**(Người nộp thuế, ngân hàng, kho bạc nhà nước phải ghi đầy đủ các thông tin dưới đây trên chứng từ nộp tiền khi nộp tiền vào ngân sách nhà nước):

1. Tên người nộp thuế: ……………………………………………………………

2. Mã số thuế: …………………………………………………………………..

3. Tài khoản thu ngân sách nhà nước của kho bạc nhà nước: *<Tên kho bạc* *nhà nước>* tỉnh, thành phố……..mở tại ngân hàng: *<Tên ngân hàng thương mại* *nơi kho bạc nhà nước mở tài khoản>.*

4. Tên cơ quan quản lý thu: …………………., Mã cơ quan quản lý thu:……………

5. Tên Chương: ………………………., Mã Chương: ……………………………….

6. Tên Nội dung kinh tế (Tiểu mục): …………., Mã Tiểu mục: …………………………..

7. Tên địa bàn hành chính: …………….., Mã địa bàn hành chính:  …………………

8. Mã định danh hồ sơ (nếu có): ……………………………………………………….

*Trường hợp người nộp thuế chậm nộp tiền sử dụng đất vào ngân sách nhà nước sau thời hạn nộp theo thông báo này (trừ trường hợp được ghi nợ tiền sử dụng đất theo quy định) thì ngoài số tiền sử dụng đất phải nộp, người nộp thuế phải tự xác định số tiền chậm nộp (= số ngày chậm nộp x 0,03%/ngày); nộp đầy đủ tiền sử dụng đất phải nộp* *và tiền* *chậm nộp vào ngân sách nhà nước.*

Nếu có vướng mắc, đề nghị người nộp tiền sử dụng đất liên hệ với ... *<Tên cơ quan thuế>...* theo số điện thoại: ……………..địa chỉ:………………để được hướng dẫn cụ thể.

*< Trường hợp thông báo điều chỉnh, bổ sung mà thay thế cho Thông báo đã ban hành:* Thông báo này thay thế Thông báo số.... ngày... tháng... năm……của ... về việc…………..>.

*....<Tên cơ quan thuế>...* thông báo để người sử dụng đất được biết và thực hiện.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - <Người nộp thuế>; - <Cơ quan tiếp nhận hồ sơ của NNT>; - <Các bộ phận có liên quan>; - Lưu: VT, bộ phận ban hành TB. | **THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ BAN HÀNH THÔNG BÁO** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

***Ghi chú:*** Phần nội dung chữ in nghiêng ghi trong dấu < > chỉ là trường hợp ví dụ, cơ quan thuế căn cứ vào hồ sơ cụ thể để điều thông tin tương ứng.